Tác Giả: Nguy□n Quý Đ□i
Chúa Nhật, 30 Tháng 1 Năm 2011 16:09

Theo Âm l□ch T□t c□ truy□n Vi□t Nam năm nay là ngày th□ Năm 3.2.2011 thu□c chi Mão, mèo đ□ng th□ 4 trong 12 con giáp.

M□□i hai con giáp xu□t hi□n trong Bát quái c□a Kinh d□ch, l□ch Tàu h□ ch□n Th□, nh□ng ng□□i Vi□t ch□n mèo vì nó g□n v□i đ□i s□ng Văn hóa Vi□t Nam. Mèo d□u dàng d□ th□□ng nh□ chó, nh□ng mèo đ□□c thu□n hóa sau cùng.

Nh□ng nhà Kh□o c□ h□c nghiên c□u dòng h□ nhà mèo có t□ th□i ti□n s□ hàng tri□u năm, đã hóa th□ch t□ng tìm th□y □ các Châu l□c. Mèo r□ng (Wildkatze/ Forest cat) □ Phi Châu tên khoa h□c (Felis Silestris lybica), đ□□c thu□n hóa tr□ nên mèo nhà (Hauskatze) tên khoa h□c (Felis Silestris Catus). Th□i c□ đ□i ng□□i Ai C□p (Agypten) thu□n hóa mèo kho□ng 6000 năm tr□□c Công nguyên (vi□t t□t TCN), tuy nhiên ng□□i ta cũng tìm th□y răng x□□ng mèo kho□ng 9000 năm TCN trong ngôi m□ c□ □ Jericho Isarel, □ đ□o Zypern 5000 năm TCN và thung lũng Indus Harppa 4000 năm TCN. Th□i c□ đ□i thu□n hóa mèo vì chu□t c□n phá mùa màng, mèo b□t chu□t b□o v□ th□c ph□m và săn các lo□i r□n đ□c nguy hi□m nh□ Kobras và Vipern, t□ đó mèo g□n li□n v□i đ□i s□ng con ng□□i.

Ngu□n g□c c□a mèo.

Mèo thu□c b□ ăn th□t (carnivore) cùng h□ Felidea, các thành viên cùng h□ v□i mèo to l□n (Pantherinae) nh□: Leopard (Panthera pardus); Gepard (Acinonyx jubatus); Löwe (Panthera leo) đ□u □ Phi Châu. Jaguar (Panthera onca) □ Nam M□; Nebelparder (Neofelis nebulosa) s□ng □ Nepal và Tiger (Panthera tigris) s□ng vùng nhi□t đ□i.
Các lo□i mèo nh□ (Felinae) □ M□ Châu (kleinkatzen Amerikas): Rotluchs/ Bobcat (Felis lynx rufus) và Ozelot/Ocelot (Felis pardalis) th□□ng ng□ ngày □ Nam M□; Kanadischer Luchs/ Canadian lynx (Felis lynx candenis) và Puma (Felis conolor) s□ng □ mi□n Nam Canada; Baumozelot (Felis wiedi) lo□i đuôi dài □ Mexiko đ□n Argentinien; Bergkatze (Felis jacobita) s□ng □ Nam M□ trên núi cao 5000m. Tiegerkatze (Felis tigrinus) □ Costa Rica và Kleinfleckkatze (Felis geoffroyi) □ Brasilien, Bolivien; Chilenische Waldkatze (Felis guigna)
Lo□i mèo □ Âu Châu và Á Châu. Schottische Wildkatze (Felis silvesstris grampia) lo□i đuôi ng□n □ Anh Qu□c, Spanische Wildkatze (felis sivestris iberica) và europäische Wildkatze (felis silvestris europaca); □ □n Đ□ Indische Steppenkatze (Felis silvestris ornate), Rostkatze (Felis prionailurus rubiginosus), Iromote Katze (Felis prinailurus iromotensis) b□t chim cua □ các đ□o c□a Nh□t, Fischkatze (Felis prinailurus vierrimus) □ Silanka và Trung Hoa b□t cá và r□n, Luchs (Felis lynx) tai dài □ Sibirien, Manul (Felis manul) tai nh□ ph□ đ□y lông □ Iran…

Mèo nhà

Chúng ta có th□ phân bi□t đ□□c mèo nhà và mèo r□ng, mèo nhà b□ lông thay đ□i nhi□u màu s□c, mèo r□ng không gi□u phân, nh□ng mèo nhà th□□ng tìm ch□ kín đ□ phóng u□, nên t□c ng□ có câu “gi□u nh□ mèo gi□u c□t”. Các nhà khoa h□c khám phá ru□t c□a mèo nhà dài h□n mèo r□ng, b□ óc nh□ h□n 30% vì □nh h□□ng đ□i s□ng và th□c ph□m mèo nhà nh□ con, x□□ng m□t r□ng và mõm ng□n, c□u t□o răng cũng khác.
Mèo nhà có th□ phân bi□t hai nhóm: mèo lông ng□n và lông dài có l□ ngu□n g□c t□ mèo r□ng Châu Phi ng□□i Ai C□p đã thu□n hóa đ□u tiên. T□ đó du nh□p đ□n các qu□c gia đ□u tiên Hy L□p, La Mã, các th□y th□ mang v□ □n Đ□ kho□ng 500 TCN; Trung Hoa 400 sau CN, Nh□t 999 năm SCN; Norwegen; Byzanz (Istanbul) 400 năm SCN; Pháp và Quebec th□ k□ th□ 16, M□ 1620…
Vùng Đông Nam Á có mèo Xiêm (Thái Lan), thông minh, d□ d□y, b□t chu□t gi□i. Có gi□ thuy□t cho r□ng mèo Xiêm cũng b□t ngu□n t□ mèo Siam.
Nh□ng th□ k□ qua mèo đ□□c lai gi□ng đ□p, đ□□c nhi□u gia đình yêu thích nuôi d□□ng kh□p n□i trên th□ gi□i nh□: Mèo Iran (Ba T□) lông dài mă□t ti□t (Persian); Mèo Maine Coon, Mèo Exotic (gân giống mèo Iran khuôn mă□t tròn ti□t dễ th□□ng nên ta□m go□i là Iran lông ngăn) Abyssinian; Mèo Siamese; Mèo Ragdoll; Mèo Sphynx không lông; Mèo Miến Điê□n (Birman); Mèo Mỹ lông ngăn (American Shorthair); Mèo Oriental; Mèo Tonkinese; Mèo Norwegian Forest Cat; Mèo Cornish Rex lông xoăn thanh ma□nh, ngô□ nghĩnh; Mèo British Shorthair; Mèo Devon Rex lông xoăn; Mèo Burmese; Mèo tai cu□p (Scottish Fold); Mèo Ocicat; Mèo xanh Russian Blue; Gấu mèo Mau Ai Câ□p (Egyptian Mau); Mèo Somali cute; Mèo tho□ Manx không đuôi; Mèo Siberian cute; Mèo Nhâ□t đuôi c□t (Japanese Bobtail); Mèo lông xoăn Selkirk Rex; Mèo Pháp Charteux; Mèo Thô□ Nhĩ Kỳ Turkish Angora; Mèo Mỹ tai vê□nh (American Curl); Mèo Colorpoin Short Hair; Mèo European Burmese; Mèo mun Ấn Đô□ (Bombay); Mèo Mã Lai Singapura; Mèo Mỹ đuôi c□t (American Bobtail); Mèo Korat; Mèo Bali (Balinese); Mèo Havana Brown; Mèo “hô□ □a n□□c” Tukish Van; Mèo Javanese; Mèo Ragamuffin; Mèo Mỹ lông dày (American Wirehair); Mèo lông xoăn dài LaPerm….

Mèo lông dài (Langhaarkatzen/longhair) có b□ lông xù tuy□t đ□p đ□□c lai gi□ng thu□n d□□ng các lo□i mèo: Balinse, Perserkatze t□ 1620 □ Perien nh□p c□ng sang Ý r□i đ□n Anh Qu□c t□ th□ k□

19, n□ng t□ 3,5- 7 kilo. Mũi ng□n, r□ng, tai nh□ nh□n lông ph□ kín, m□t to tròn, chân ng□n m□p.
Norwergische Waldkatze kho□ng 1000 năm sau Công nguyên (SCN) t□ Byzanz nh□p c□ng sang Norwegen, n□ng t□ 3-9 kilo, đ□u nh□ hình tam giác, tai r□ng cao, m□t l□n
Mèo Cymric còn có tên “Cymru“ (Walissch für Wales) □ M□, Canada ngu□n g□c t□ B□c M□ n□ng 3,5-5,5 kilo. Đ□u tròn c□ ng□n, chân tr□□c ng□n h□n chân sau, đ□c bi□t lo□i n□y không có đuôi (schwanzlos)
Mèo tai nh□ Scottish Fold n□ng 2,4-6 kilo chân dài thon nh□, m□t to đ□u tròn, tai nh□, vành tai c□p vào đ□u nh□ mèo b□ c□t tai, thích s□ng yên tĩnh.
Mèo Türkisch Van: có tr□□c th□ k□ 18, n□ng t□ 3-8,5 kilo, tai l□n cao, m□t to hình oval, chân dài trung bình, đuôi dài nhi□u lông.

Mèo Türkisch Angora t□ th□ k□ th□ 15, n□ng t□ 2-5 kilo thông minh nhanh nh□n đ□u nh□ c□ thon, tai l□n dài, m□t hình oval, đuôi dài nhi□u lông nh□ m□t cái ch□i, đ□p nh□t lo□i lông màu tam th□. T□ th□ k□ th□ 17 nh□p sang Anh-Pháp t□i th□ k□ th□ 20 nh□p c□ng sang các qu□c gia khác.
Mèo Nga (Russian cat) có lông xù dài, màu tr□ng, m□t xanh l□ chân to, gi□ng nh□ mèo Iran, nh□ng mèo Iran có b□ lông 2 l□p v□i l□p lông dài phía ngoài và l□p lông ng□n khá dày □ bên trong. Đuôi c□a chúng luôn xù r□t nhi□u màu lông khác nhau, gi□ng mèo này mũi nh□ và m□t to.
Mèo M□ lông ng□n đ□□c xem là mèo đ□n đ□t M□ đ□u tiên năm 1620 trong con tàu Mayflower/ Hoa Tháng Năm. Th□y th□ c□a đoàn Pilgerväter/Pilgrims nuôi mèo b□t chu□t phá phách hàng trên tàu đ□n vùng Plymouth/ Massachusetts (ngu□n g□c Thanksgiving). Th□i gian trôi qua, gi□ng mèo sinh s□n t□i B□c M□ đ□□c lai gi□ng v□i các lo□i mèo lông dài, lông ng□n, đ□ t□o ra m□t lo□t các mèo con xinh x□n đ□ ch□ng lo□i, thân dài hay m□p, nh□ng b□ lông màu s□c đ□p, tính tình d□u dàng nhu mì và thân thi□n. Năm 1906, hi□p h□i CFA đã chính th□c công nh□n các gi□ng mèo đáng yêu này.

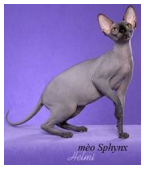

Mèo Anh, lo□i lông ng□n ph□ bi□n và đ□□c yêu thích. H□i đ□ng qu□n lý mèo Anh (UK’s Governing Concil of the cat fancy) công nh□n t□ năm 1944, khi nó v□□t qua gi□ng mèo Thái.

Mèo không lông theo tên c□a Ai c□p c□ “Sphinx“ (hay là loài mèo Canada) “haarlos/ Hairless“. N□ng 3,5-7 kilo, tai l□n đ□u dài và r□ng là gi□ng mèo hi□m th□y trong h□ hàng nhà mèo. Đ□□c tìm th□y t□ năm 1966 khi t□i Toronto, Canada có m□t chú mèo con không lông có tên Prune t□

lúc sinh ra đ□n khi tr□□ng thành ch□ có nh□ng s□i lông t□! toàn thân là nh□ng n□p da nhăn nheo, nên thân nhi□t cao h□n mèo có lông. Mèo Sphynx r□t thân thi□n và quý hi□m. Con mèo này sau đó còn giao ph□i v□i m□ c□a nó và sinh ra thêm nhi□u chú mèo không lông khác. Và đây đ□□c coi là t□ tiên c□a loài mèo không lông ngày nay.

T□p tính c□a Mèo

Mèo không có các x□□ng đòn c□ng, x□□ng s□ng c□a mèo có nhi□u đ□t di chuy□n d□ dàng, có th□ chui qua nh□ng l□ nh□ leo trèo nhanh, mèo đi trên các ngón chân có l□p đ□m, X□□ng đuôi dài đ□ giữ thăng b□ng, thân th□ mèo c□u t□o 7 đ□t s□ng c□, 13 đ□t s□ng ng□c, 7 l□ng và 3 hông, tùy theo đuôi dài hay ng□n mèo có t□ 14 đ□n 28 đ□t s□ng đuôi. Thân mèo m□n m□i n□m ng□ có th□ cu□n tròn c□ th□, chân có vu□t nh□n, các vu□t chân tr□□c s□c h□n chân sau đ□u thu l□i n□m trong da và lông bao quanh đ□m ngón chân, nên đi r□t nh□. T□ trên cao r□i xu□ng mèo có ph□n x□ t□ xoay thân t□i v□ trí thích h□p và r□i chân xu□ng tr□□c. Mèo có b□ ria dài nhi□u s□i đ□p, giúp mèo tránh không b□ v□□ng cây lúc đi.
Mèo cái tìm mèo đ□c trong mùa đ□ng tình, th□□ng ti□t ra mùi và ti□ng kêu đ□c bi□t h□p d□n… Mèo mang thai t□ 57 đ□n 70 ngày, khi sanh mèo th□□ng tìm ch□ kín, đ□ mèo con trong b□c mèo m□ li□m s□ch bao cho mèo con chào đ□i, đôi khi sinh m□t đàn 2 đ□n 6 con nh□ kho□ng 100gr, bú s□a m□ m□t tu□n sau m□ m□t. T□ m□t tháng tu□i tr□ đi ch□y nh□y leo trèo và b□t m□i nh□, lúc nh□ mèo m□ ng□m c□ mèo con mang đi, t□ 4 tháng mèo tr□□ng thành có th□ b□t m□i. Mèo s□ng lâu trên 10 năm, không thích t□m n□□c nh□ng có thói quen thè l□□i ti□t n□□c b□t vào chân c□a nó bôi lên toàn thân đ□ làm s□ch c□ th□, ch□i chu□t lông. Ban ngày mèo thích □ ch□ kín yên tĩnh ng□ nhi□u gi□, ho□t đ□ng vào bu□i sáng s□m hay v□ đêm, m□t mèo có t□m nhìn t□t nh□t vì bóng t□i t□o ra m□t màng l□□i th□ giác sáng h□n. S□ bi□n đ□i màu s□c c□a m□t mèo gi□a ánh sáng và màng tr□ch, ban ngày n□i tr□i sáng tròng đen c□a mèo khép l□i đ□ kh□i b□ lóa m□t. Mèo nhìn r□ng t□ 200° bis 220°. M□t mèo có 9 màu khác nhau: Braun/brown, Kupferfarbe /copper color, Golden, Babyblau, Siamblau, Birmablau, Meergrün/ Sea Green, Reines Grün/ Pure Green, Haselnussfarbe. Mèo u□ng n□□c r□t nhanh l□□i ch□m nh□ m□t n□□c kéo theo m□t l□□ng l□n n□□c, m□t t□c đ□ quá nhanh khó có th□ nhìn th□y b□ng m□t th□□ng, mèo không nh□n đ□□c v□ ng□t c□a đ□□ng, nh□ng xúc giác c□a mèo r□t nh□y bén và tai mèo r□t thính. Mèo ăn th□t cá nh□ng đôi khi cũng nhai c□ t□□i đ□ giúp cho s□ tiêu hóa.

Mèo Trong Tín Ng□□ng

Tác Giả: Nguy□n Quý Đ□i
Chúa Nhật, 30 Tháng 1 Năm 2011 16:09

Mèo g□n đ□i s□ng con ng□□i, nên có nhi□u truy□n thuy□t, th□n tho□i, tranh, t□□ng… đ□□c th□n thánh hoá. Tuy nhiên, mèo th□nh tho□ng b□ coi là ma qu□, ví d□ nh□ nó không mang l□i may m□n hay th□□ng đi li□n v□i nh□ng m□ Phù thu□ trong th□i Trung c□. Đ□c đi□m n□n Văn hóa Ai C□p c□ đ□i v□ nông nghi□p, h□ theo tôn giáo đa th□n th□ nhi□u th□n linh. Bi□u hi□n n□ th□n Bastet/ Pasht (Bastet đ□□c coi là v□ c□a th□n m□t tr□i Re, m□ c□a s□ t□ th□n Mahes. Bastet mình s□ t□ đ□u mèo là s□c m□nh c□a m□t tr□i, b□o tr□ cho s□ phì nhiêu và tình M□u t□. N□ th□n Bastet đ□□c th□ □ thành ph□ Bubastis, cách Cairo kho□ng 50 d□m, thu□c phía đông vùng đ□ng b□ng sông Nile. Di tích còn sót l□i c□a ngôi đ□n 2.200 năm tu□i tôn th□ m□t n□ th□n mèo Ai C□p, đ□□c tìm th□y g□n ga tàu đi□n □ Alexandria).
Mèo sinh tr□□ng nhanh bi□u t□□ng cho h□nh phúc và tình yêu. Theo nhà s□ h□c ng□□i Hy L□p Herodot (484-424 TCN) th□i □y n□u con mèo trong nhà ch□t, c□ ch□ nhà l□n tôi t□ ph□i c□o lông mày và làm l□ tang long tr□ng. N□u mèo nuôi trong các đ□n th□ thì c□ xóm làng, thành ph□ đó ph□i đ□ tang. Sau khi ch□t, mèo đ□□c □□p xác và chôn riêng □ m□t nghĩa trang, ch□n n□i r□t cao quý. Đ□a v□ cao quý c□a loài mèo có l□ b□t ngu□n t□ kh□ năng b□t chu□t tài tình □ các v□a lúa c□a Ai C□p. S□ sùng kính quá đ□ này đã gây không ít tai h□a, ai vô tình làm ch□t mèo b□ k□t t□i t□ hình.
M□t s□ huy□n tho□i v□ mèo: con mèo c□a tiên tri H□i giáo Mohammed, xe c□a n□ th□n Freya luôn luôn v□ hai con mèo, c□u Devil v□ mèo. Các ngôi đ□n đ□ng □ Tokyo Go-To-Ku-Ji, vinh danh mèo “Neko Maneki”. □ Trung Qu□c và Thái Lan v□n còn th□ mèo nh□ v□ th□n, □ Đông Timor ai gi□t m□t con mèo b□ nguy□n r□a cho t□i b□y đ□i…. Ngày nay các n□□c Tây ph□□ng có H□i b□o v□ súc v□t, n□u ai đánh hay gi□t chó mèo cũng b□ ph□t.

Văn ch□□ng, chuy□n c□ tích, Phim và tác ph□m ngh□ thu□t

Các chuy□n c□ tích c□a nhà văn Äsop th□ k□ th□ 6 tr□□c CN, đ□n nhà th□ La Fontain (1621-1695), Carlo Collodie (1826-1890), Rudyard Kipling (1865-1936), beatrix Potter (1866-1943), Kathleen Hale (1898), Humorist Edward Lear (1812-1888), Lewis Carroll (1832-1898), Theodor Suess Geisel(1904-1991) và nhi□u tác gi□ vi□t v□ mèo h□p d□n làm đ□c gi□ say mê. Truy□n c□ N□□c Nam s□ tích con chu□t và con mèo. Nh□t có s□ tích mèo Kitty không mi□ng..

Phim v□i hình □nh mèo m□t th□i n□i ti□ng nh□: Batman (1966); Batman Returm (1992); Frühstück bei Tiffany (1961) do n□ tài t□ Audry Hepburn đóng đ□□c gi□i th□□ng PATSY (Picture Animal Top Star Awards of the Year).
Die unglaubliche reise (1963); Harry und Tonto (1973); Die schöne und das Tier (1945); Cat& Dogs (2001); Rosenkrieg (1989) Die Nacht der tausend Katzen (1972); Katzenmenschen

(1942); Die Schwarze Katze (1985); Superman (1978); Die katze aus dem Weltraum/ The Cat from Outer Space (1978) …
Phim ho□t hình hi□n đ□i, mèo là nhân v□t chính: H□ Mèo t□i ph□m (1993), phim Walt Disney, mèo quý t□c (1970), Fritz the Cat (1972), Disney Chip und Chap . Nh□ng cu□c phiêu l□u c□a Al Katzone, nh□ng k□ thù vĩnh c□u c□a chu□t Mickey và Goofy, Pat Sullivan (1917), các nhân v□t ho□t hình Felix the Cat, trong đó m□t con mèo đen đ□□c trình bày nh□ là m□t di□n viên hài d□ th□□ng. Các lo□t phim ho□t hình Tom & Jerry (1939) mèo nhà Tom ch□i v□i nh□ng con chu□t Jerry thông minh, Alice in Wunderland, Petersburger Nacht… Felidae (1994) Babe (1995), Stuart Little (2000)…
Mèo trong ngh□ thu□t, danh h□a Pablo Picasso (1881-1973) r□t yêu thích v□ tranh mèo, tác ph□m n□i ti□ng là “Cubist cat/Kubistische Katze“; Francesco Bassno (1549-1529) v□i tranh “Das letzte Abendmahl/ b□a ăn t□i cu□i cùng) có mèo và chó n□m d□□i bàn; Joseph Wright (1734-1797) tranh “Das Ankleinden der Katze“; Hsuan Tsung □ th□ k□ 18 “v□□n xuân mèo trèo cây“ trong b□o tàng vi□n New York. Các danh h□a Nh□t c□a th□ k□ 18 &19 Utamaro (1753-1806) Kokusai nh□ng tác ph□m “beginnings of racial breeding/anfänge der Rassezucht“; “Mädchen, das eine diebische Katze bestraft/Girl who punished their impish cat“

Hí ho□ qu□ng cáo kh□p m□i n□i đ□u g□p mèo, ho□ sĩ Nga Zar Peter d.Gr “đám tang mèo“; Jean Cocteau (1889-1963) tranh “Club des amis des chats“; Louis Wain tác ph□n “d□o ph□/ Stadtbummel“; Hiroshi Fujimoto (1934-1996) tác ph□m “Doraemon“ … Nhi□u huy hi□u, t□□ng mèo b□ng s□, đ□ng, nh□a n□i ti□ng qua nhi□u th□i đ□i…
Ngành Y Khoa, mèo đ□□c xem là m□u thí nghi□m r□t t□t. Schröginger đ□a thí nghi□m mèo v□ “Hi□n t□□ng c□ h□c l□□ng t□“. Vi□c phân tích trình t□ genome c□a mèo có th□ giúp d□n đ□n nh□ng khám phá m□i, t□p chí “Nghiên c□u b□n đ□ gene” các nhà khoa h□c M□ đã gi□i mã b□n đ□ gene hoàn ch□nh đ□u tiên c□a mèo hy v□ng tìm ra nguyên nhân và cách ch□a tr□ nhi□u căn b□nh hi□m nghèo □ ng□□i. Tuy nhiên nuôi mèo ph□i c□n th□n tránh b□nh truy□n nhi□m do Toxocara Cati (giun đũa mèo), ng□□i b□ b□nh có th□ b□ s□t, xanh xao, g□y □m, ho khò khè kéo dài. Ph□i t□m mèo đ□ tránh m□ hôi mèo gây nên b□nh d□ □ng, nuôi mèo □ Tây ph□□ng t□n kém ph□i có bác s□ Thú y khám s□c kh□e đ□nh k□, ch□i lông, x□a răng cho mèo…
Hà N□i “đ□i m□i“ có nghiã trang, Hotel, Chùa cho mèo chó có tên “T□ đ□ng v□t ngã” nghĩa là v□t và ng□□i cũng gi□ng nhau, nh□ng cũng l□m hàng quán bán th□t mèo “ti□u h□“, mèo chó không dám th□ ra ngoài s□ b□t ăn th□t… B□nh vi□n “Pet Health“ ch□a b□nh mèo chó, trong khi tr□ em Vi□t Nam còn thi□u ăn không đ□ ti□n đi h□c. Các “đ□i gia-cán b□“ thích nuôi “mèo hai chân“.
Th□c v□t có lo□i cây Râu mèo/ Orthosiphon có d□□c tính dùng tr□ b□nh th□n, phù th□ng, ti□u đ□□ng. Lo□i Táo mèo g□i là S□n tra tr□ áp huy□t, an th□n… nhi□u cây mang tên mèo: cây râu mèo, n□m mèo, cây bút mèo, cây l□□i mèo…

Mèo qua thi ca

T□ nông thôn đ□n thành th□, ng□□i ta đ□u nuôi mèo để b□t chu□t, (ng□□i Tây ph□□ng nuôi mèo làm ki□ng) trong dân gian có nhi□u tranh nh□: “miêu th□ l□“, “Đám r□□c ông Nghè Chu□t vinh quy bái t□“, mèo tha con cá, tranh mèo chu□t, chuy□n Tr□ng Qùynh ăn c□p mèo c□a vua. Bài quy□n “Miêu t□y di□n” (mèo r□a m□t) n□i ti□ng kh□p làng võ Bình Đ□nh mô ph□ng theo th□ đánh nhu nhuy□n, linh ho□t c□a mèo…
Qua ca dao truy□n kh□u r□c r□ tinh hoa c□a thi ca bình dân, di□n t□ đ□n s□ trong sáng nh□ nhàng. Mèo già khóc ch□ chu□t ch□t, ý nói ng□□i đ□o đ□c gi□ không th□c lòng m□y khi mèo chê th□t chu□t, mèo nào ch□ng ăn v□ng, nh□ mèo th□y m□, ch□ s□ thèm khát danh l□i ch□y ch□t mua b□ng gi□ để có đi□ v□, uy th□ trong xã h□i d□ ăn h□i l□, tham nhũng nh□ cán b□ CS th□y n□i nào có đ□t bán đ□□c thì bán để vinh thân phì gia, đúng là lo□i mèo mù v□ cá rán. Rình nh□ mèo rình chu□t, Mèo đàng g□p chó hoang là nh□ng k□ vô lo□i k□t bè t□ đ□ng v□i nhau.
Con mèo làm b□ n□i rang, Con chó ch□y l□i ph□i mang l□y đòn nh□ng vi□c oan □c, Mèo tha mi□ng th□t thì đòi, K□nh tha con l□n m□t coi ch□ng ch□ng Ám ch□ đ□i s□ng xã h□i b□t công, k□ có quy□n hành ăn h□i l□, c□□p đ□t c□a dân làm vi□c sai trái thì đ□□c bao che, ng□□c l□i khi k□ d□□i sai sót nh□ b□ tr□ng ph□t n□ng.
Đánh gi□c mà đánh b□ng tay, Thà v□ xó b□p gi□□ng cung b□n mèo. Tr□□ng h□p n□y r□t gi□ng hi□n tình Vi□t Nam b□ b□n Tàu xâm chi□m bi□n đ□o, b□t ng□ dân đánh cá trên bi□n Vi□t Nam để t□ng ti□n, đánh đ□p dã man, nh□ng đ□ng c□m quy□n Vi□t Nam ch□ ph□n đ□i b□ng mi□ng không dám cho tàu H□i quân ho□t đ□ng vùng bi□n tranh ch□p, b□o v□ ch□ quy□n và ng□ dân trên bi□n đ□o mà cha ông chúng ta b□ x□□ng máu gi□ v□ng hàng ngàn năm qua. Chúng ta là ng□□i th□a k□, ph□i b□o v□ b□ cõi để x□ng đáng hãnh di□n v□i t□ tiên, v□i chính b□n thân và v□i con cháu chúng ta là t□□ng lai đ□t n□□c sau này.
Đ□ng Ti□u Bình (邓小平理论) theo phe □ng h□ s□ thay đ□i n□n kinh t□ Trung Hoa, ch□ tr□□ng c□i cách m□ c□a, ti□p xúc v□i văn minh Tây ph□□ng để ph□c h□i ph□c h□i kinh t□, ông đã nói: “Mèo đen hay mèo tr□ng không quan tr□ng mi□n là nó b□t đ□□c chu□t“. Mèo y□u đu□i h□n chó, th□□ng b□ chó r□□t c□n uy hi□p, nh□ng đôi lúc mèo cũng t□ hào ta ở trên cao để ch□c t□c con chó đang h□m h□ d□□i g□c cây

Con mèo trèo lên cây vông
Con chó đ□ng d□□i, ngó mông con mèo
Mèo r□ng sao chó ch□ng theo
Lên đây, mèo s□ d□y leo cho mà.

Nh□ng câu ca dao ng□ ngôn là nh□ng b□c tranh nh□ có tính cách tâm lý, mèo chu□t là hai đ□ch th□, không th□ s□ng v□i nhau.

Con mèo trèo lên cây cau
H□i thăm chú chu□t đi đâu v□ng nhà
Chú chu□t đi ch□ đ□□ng xa
Mua m□m mua mu□i gi□ cha chú mèo

Qua b□n câu ca dao hài h□□c trên, nói mèo đ□o đ□c gi□, đ□ ch□ gi□u nh□ng ng□□i gi□ nhân gi□ nghiã, v□ vĩnh c□a ph□□ng nham hi□m, con chu□t cũng không v□a, thông minh bi□t m□ng xéo, m□a mai chú mèo. Ca dao tuy mang hình th□c trào l□ng v□ mèo, nh□ng có nhi□u ng□ ý khuyên răn □ đ□i dù ai có đ□a v□, có tài cũng ph□i khiêm t□n đ□ng t□ cao, huênh hoang nh□ mèo khen mèo dài đuôi.

Năm mèo nói chuy□n mèo, dù không đ□y đ□ mong đ□c gi□ đóng góp cho đ□ tài v□ mèo phong phú h□p d□n h□n.
Kính chúc quý v□ m□t mùa xuân an bình, kho□ m□nh và may m□n

Tài li□u tham kh□o:

Katzen Die neue Enzyklopädie tác gi□ Dr. Bruce Fogle NXB Dorling Kindersley 2002
Hình trên Internet
Tiere und Lebensräume Wissensbibliothek